Chương 10

SÓC TRĂNG THỜI NHÀ NGUYỄN

I. SÓC TRĂNG TRONG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH DƯỚI TRIỀU NGUYỄN

Sau khi làm chủ Đồng bằng sông Cửu Long, các chúa Nguyễn đã xây dựng vùng đất này thành vùng sản xuất lúa gạo phục vụ cho một nền thương mại sầm uất ở Đông Nam Á. Theo Li Tana: "Buôn bán lúa gạo là nòng cốt của nền kinh tế của châu thổ sông Mêkông. Mặc dù lúa gạo được sản xuất hầu như tại bất cứ nơi nào có người Việt định cư, nhưng trước khi người Việt làm chủ vùng châu thổ sông Mêkông, lúa gạo không hề được sản xuất với số lượng lớn để trở thành một mặt hàng trao đổi. Việc làm chủ châu thổ sông Mêkông để sản xuất lúa gạo vì mục đích thương mại chắc chắn là một trong những sự kiện quan trọng nhất của Đàng Trong vào thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII và là một sự kiện có ý nghĩa trong lịch sử Việt Nam. Sự biến đổi này của mô hình nông nghiệp tại châu thổ sông Mêkông là một thay đổi to lớn trong nền kinh tế truyền thống của Việt Nam[1].

Nguyễn Ánh tổ chức vùng đất này thành cơ sở vững chắc để tiếp tục cuộc chiến chống nhà Tây Sơn đóng đô tại Quy Nhơn. Nguyễn Ánh khuyến khích việc sản xuất nông nghiệp, dùng mọi biện pháp để gia tăng canh tác như bắt các quan lại, tướng sĩ tổ chức sản xuất và nộp một số lúa nhất định vào kho lẫm. Dân thường mộ được trên mười nhà canh tác sẽ được thưởng, chính quyền lập đồn điền quy tụ lính để khẩn hoang. Nguyễn Ánh cũng đã bắt đầu công việc tổ chức hành chính, chia đất Gia Định thành bốn tỉnh, đặc biệt tổ chức quân đội với nhiều trang bị vũ khí tốt hơn.

Nguyễn Ánh, sau khi thống nhất đất nước và lên ngôi vua, lấy hiệu là Gia Long (năm1802); năm 1803 ông chia vùng đất Nam Kỳ thành 5 trấn: Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên. Vùng đất Sóc Trăng nằm trong trấn Vĩnh Thanh.

Năm 1832, vua Minh Mạng, chia Nam Kỳ thành 6 tỉnh, thường được gọi chung là lục tỉnh, tức các tỉnh Gia Định,

1. Xem: Li Tana: *Châu thổ sông Mêkông thế kỷ XVIII và đầu XIX trong hệ thống thương mại vùng*, Nxb. Sài Gòn, 1998.

Vĩnh Long, An Giang, Biên Hòa, Định Tường và Hà Tiên. Mỗi tỉnh gồm 2 hoặc 3 phủ, mỗi phủ gồm 2 hoặc 3 huyện. Đứng đầu mỗi tỉnh lớn là một Tổng đốc và mỗi tỉnh nhỏ là một tuần phủ. Một tỉnh nhỏ lại được ghép với một tỉnh lớn để làm thành một đơn vị lớn hơn dưới quyền quan tổng đốc: Định - Biên (Gia Định và Biên Hòa), Vĩnh - Tường (Vĩnh Long và Định Tường), An - Hà (An Giang và Hà Tiên). Tỉnh An Giang vào năm 1835 này gồm ba phủ là các phủ Tuy Biên (Châu Đốc), Tân Thành (Sa Đéc) và Ba Xuyên (Sóc Trăng). Phủ Ba Xuyên khi ấy gồm ba huyện là các huyện Phong Nhiêu (Bãi Xàu), Phong Thạnh (Nhu Gia) và Vĩnh Định (Ba Xuyên).

Theo *Đại Nam nhất thống chí*[1], những biến đổi của phủ Ba Xuyên như sau: phủ này nằm ở phía "đông nam tỉnh thành 264 dặm, đông tây cách nhau 64 dặm, nam bắc cách nhau 122 dặm. Phía đông giáp biển và giáp tỉnh giới Vĩnh Long 38 dặm. Phía nam đến biển 51 dặm. Phía bắc đến huyện Phong Phú thuộc phủ Tung Biên 71 dặm".

II. KHẨN HOANG VÀ KHAI THÁC DO CHÍNH QUYỀN TỔ CHỨC

Sơn Nam, trong cuốn *Lịch sử khẩn hoang miền Nam,* cho chúng ta một cái nhìn tổng quát về việc khẩn hoang Đồng bằng sông Cửu Long này như sau: "Khẩn hoang ở Đồng bằng sông Cửu Long là cuộc vận động lớn, toàn diện về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa. Vua chúa quy định chính sách điền địa, thuế khóa, quân dịch và thưởng phạt. Tùy nhu cầu mà có khi quân sĩ, lưu dân và tù nhân phải đóng đồn, lập ấp, cày cấy ở nơi mất an ninh. Đất kém màu mỡ, khó canh tác, nhưng chính quyền lại cưỡng bách đến định cư. Có những giai đoạn, những khu vực mà chính phủ kiểm soát chặt chẽ việc khẩn hoang, nhưng cũng có lúc người dân được dễ dãi"[2].

Vẫn theo Sơn Nam, cuộc vận động lớn này có thể được chia thành các giai đoạn sau:

- Từ các chúa Nguyễn đến những năm cuối đời Gia Long: khai khẩn vùng đất phù sa tốt, đất giồng ven sông, đất cù lao theo nhu cầu phát triển xứ Đàng Trong và củng cố quốc gia, còn lại các vùng ngập sâu vào mùa mưa, đất quá phèn, rừng Sác, chưa được chú trọng nhiều.

- Từ cuối đời Gia Long tới cuối đời Minh Mạng: khai khẩn phía hữu ngạn Hậu Giang, nối qua vùng đồi núi Thất Sơn, vì nhu cầu xác định biên giới Việt - Miên. Khai khẩn vùng đồi núi, vùng đất thấp, canh tác những lõm nhỏ mà cao ráo giữa vùng nước ngập lụt. Tỉnh An Giang được thành lập, tách ra từ trấn Vĩnh Thanh.

- Từ đời Thiệu Trị tới đời Tự Đức: khai khẩn những điểm chiến lược, nhằm đề phòng nội loạn ở phía Hậu

1. Tu Trai Nguyễn Tạo (dịch giả): *Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh Việt Nam*, Nxb. Nhà Văn hóa, Phủ quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, 1973, tập hạ, tr. 7.

2. Sơn Nam: *Lịch sử khẩn hoang miền Nam,* Nxb. Đông Phố, 1973, tr. 17.

Giang, chính sách đồn điền được thúc đẩy mạnh[1].

Sóc Trăng và cả vùng đất bên kia sông Hậu được coi là "vùng đất biên giới quan trọng của quốc gia" (*Minh Mạng chính yếu,* 79). Tại vùng đất này, các vua nhà Nguyễn, nhất là từ thời Minh Mạng trở đi, đã áp dụng "kế hoạch biên phòng" trong khai thác. Nghĩa là gửi quân đội đến lập đồn điền. Một mặt để bảo vệ biên giới; mặt khác, khai phá đất đai và làm nông nghiệp. "Nay nên cho đóng quân đồn điền, dựng kho chứa lúa ở địa hạt tỉnh lỵ (An Giang - Hà Tiên), một là để dự trù quân lương cho đầy đủ, hai là để giữ vững việc biên phòng rồi nhân đấy chiêu tập dân phiêu bạt, xây dựng thôn ấp. Đấy chính là điểm mấu chốt nhất cho việc chỉnh đốn công việc ngoài biên giới ngày nay"[2]. Ngoài đồn điền, còn có dinh điền, tổ chức tập trung những người nghèo, kẻ lang thang làm việc dưới quyền điều hành của người phụ trách. Khi thực dân Pháp xâm chiếm Nam Kỳ vào giữa thế kỷ XIX, hai hệ thống dinh điền và đồn điền đã bị giải tán.

Công cuộc khẩn hoang, nhà nước đã đứng ra tổ chức thực hiện các công trình lớn: đào kênh dẫn nước và tháo nước vùng đất trũng, nhiễm phèn và nhiễm nước mặn như kênh Tà Liêm, Ban Cốc được đào vào cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, góp phần biến Sóc Trăng thành một vựa lúa vào đầu thế kỷ XIX.

Bên cạnh công việc đào kênh, nhà Nguyễn còn áp dụng chính sách hỗ trợ khuyến khích người dân từ các vùng khác tới vùng đất phía nam sông Hậu này khai thác đất đai và làm nông nghiệp. Chỉ dụ năm 1802 của Gia Long ghi: "Người nào không có điền sản thì đem ruộng hoang cấp và cho vay lúa giống, đợi khi thu hoạch xong sẽ trả lại cho nhà nước (*Đại Nam thực lục, Tiền biên và Chính biên*, 9). Minh Mạng năm 1837 ra chỉ dụ: "Nếu người đi khẩn hoang thiếu trâu cày, điền khí và lúa giống thì các quan phải cấp phát" (*Minh Mạng chính yếu,* 76).

Các chính sách khuyến khích khẩn hoang và canh tác này đã làm gia tăng diện tích được canh tác, hàng loạt các dân ấp được lập ở hai bên bờ các con kênh, nhiều tổng, làng mới được thiết lập. Họ đến và định cư dọc theo bờ nam của sông Hậu. Nhiều làng mới thuần dân tộc Kinh hoặc cư trú xen cài giữa ba tộc Kinh - Hoa - Khmer đã được lập ra như An Khánh thôn ở xứ Cái Tết, Đại Thạnh thôn ở xứ Ba Xuyên, Châu Hưng thôn giáp rạch Cổ Cò, Châu Khánh thôn ở xứ Cái Tốt, Phong Phú thôn ở xứ Lộc Châu. Điều này cho thấy không những khu vực trung tâm mà cả các khu vực phía nam, phía đông và cả phía tây của tỉnh đều đã có người khai phá thành vườn, thành ruộng.

"Kết quả đặc điền của nhà Nguyễn vào năm 1836 cho thấy: Tổng Định Khánh (thuộc huyện Vĩnh Định) có 11 làng (An Khánh thôn, An Thạnh Nhứt thôn, An Thạnh Nhì thôn, Châu Hưng thôn, Châu Khánh thôn, Đại Hòa thôn,

1. Xem: Sơn Nam: *Lịch sử khẩn hoang miền Nam, Sđd*, tr. 17 - 18.

2. Huỳnh Lứa*: Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ,* Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1987, tr. 107.

Đại Hữu thôn, Đại Thạnh thôn, Hòa Mỹ thôn, Phong Phú thôn, Phú Hữu thôn), đã khai khẩn tổng cộng được 2.238 mẫu"[1].

Đại Nam nhất thống chí cho biết, khoảng năm 1853, phủ Ba Xuyên có hai huyện: huyện Vĩnh Định có 4 tổng, 19 xã thôn, huyện trị đặt ở thôn Đại Hữu và huyện Phong Nhiêu có 3 tổng, 17 thôn xã, huyện trị đặt ở thôn An Khánh.

Năm 1860, một huyện mới được thành lập ở phía tây của Sóc Trăng, đó là huyện Nhu Gia. Việc thành lập các đơn vị hành chính mới cho thấy mức phát triển của Sóc Trăng về mặt khẩn hoang và dân số: ngày càng có đông người Kinh tới định cư và khai thác vùng đất Sóc Trăng.

1. Trần Thị Mai: *Kinh tế Sóc Trăng thời Pháp thuộc 1867 - 1945*, Luận án tiến sĩ khoa học Lịch sử, Thành phố Hồ Chí Minh, 1997, (đánh máy), tr. 33.